TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2024/DS-ST
Ngày 04-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á
2. Ông Cao Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt).

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Đinh Công T, sinh năm 1979 bà Trần Thị R, sinh năm 1983, cùng địa chỉ: Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà H trình bày: Ngày 22/11/2019, vợ chồng ông T bà R mượn của bà số tiền 90.000.000 đồng, hẹn một năm sẽ trả đủ nhưng đến nay vẫn chưa trả. Khi vay không có thỏa thuận trả lãi và ông T bà R cũng không trả lãi. Bà R cho rằng thỏa thuận lãi một tháng 3.600.000 đồng/90.000.000 đồng và đã trả lãi đến hết năm 2021 là không đúng sự thật. Bà không đồng ý cho ông T bà R trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng như bà R

đề nghị. Bà H yêu cầu ông T bà R trả cho bà số tiền 90.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác.

- *Tại Bản tự khai bị đơn bà R trình bày:* Ngày 22/11/2019 vợ chồng bà có mượn bà Hợp số tiền 90.000.000 đồng để đầu tư vào ghe máy. Vì làm ăn thua lỗ nên chưa có tiền trả nợ. Nay bà H đòi thì vợ chồng bà hứa sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, trong thời gian trả đến 03 năm sẽ hết nợ. Khi vay tiền hai bên đã thỏa thuận với nhau lãi suất là 3.600.000 đồng/tháng/90.000.000 đồng. Bà trả lãi đều hàng tháng cho bà H đến hết năm 2021 thì làm ăn thua lỗ nên không có điều kiện trả lãi nữa. Lúc trả lãi thì bà đưa tiền cho bà H chứ không có giấy tờ gì.

- Bị đơn ông T không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà H, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T bà R đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Bị đơn ông T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không đến làm việc theo giấy triệu tập, thông báo, giấy báo của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của ông T liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà H được. Ông T không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Căn cứ theo Giấy mượn tiền ngày 22/11/2019 và sự thừa nhận của bà R, xác định vợ chồng ông T bà R có vay của bà Hợp số tiền 90.000.000 đồng. Bà R cho rằng khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất một tháng là 3.600.000 đồng/90.000.000 đồng và bà đã trả lãi hàng tháng đến hết năm 2021 nhưng không được bà H thừa nhận và bà R, ông T cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xác định đây là sự thật.

[5] Theo nội dung Giấy mượn tiền ngày 22/11/2019 thì việc vay tiền giữa hai bên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Đã quá hạn trả nợ theo thỏa thuận và bà H đòi nhưng ông T bà R không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T bà R trả

nợ là phù hợp, đúng qui định của pháp luật nên yêu cầu này được chấp nhận. Bà R yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nhưng không được bà Hợp đồng ý và không phù hợp với qui định của pháp luật nên không được chấp nhận. Buộc vợ chồng ông T bà R phải liên đới trả cho bà Hợp số tiền 90.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 90.000.000 đồng x 5% = 4.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 288, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị H. Buộc vợ chồng ông Đinh Công T bà Trần Thị R phải liên đới trả cho bà Võ Thị Hợp s tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

2. Về án phí và tiền tạm ứng án phí:

- Vợ chồng ông Đinh Công T bà Trần Thị R phải chịu 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Võ Thị Hợp s tiền 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006187 ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hoàng